

Bản án số: 68/2024/DS-PT

Ngày: 29-01-2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản
và hợp đồng gia công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N1 Ngọc Chơn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông N1 Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng gia công.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1981 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm 3, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Anh N1, sinh năm: 1989 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

2. Ông Trịnh Văn N2, sinh năm: 1987 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tăng Hoàng P, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Kim T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày yêu cầu khởi kiện:

Bà T có sang nhượng một phần đất của ông N1, tọa lạc tại ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, sau khi sang đất bà T có ký hợp đồng khoan đất với ông N2 để san lấp mặt bằng, cho nên trên phần đất ông N2 có đặt đường ống để bơm đất san lấp mặt bằng, một đầu ống đặt bên đất của bà T và một đầu ống đặt bên đất của ông Lê Văn Phục. Khi san lấp thì ông N1 nói với ông N2 là người thi công bơm đất cho bà T là đường ống đặt trên phần đất của ông N1 nên đòi đưa tiền thuê là 10.000.000 đồng thì mới cho bơm đất. Lúc này ông N2 có nói để ông N2 chịu 5.000.000 đồng và bà T chịu 5.000.000 đồng. Xét thấy, một đầu ống đặt bên đất của bà T và một đầu ống đặt bên đất của ông P nhưng ông P không có đòi tiền thuê đặt ống bơm đất này. Do đó, ông N2 và ông N1 phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngày 01 tháng 01 năm 2021 âm lịch, bà T và ông N2 có thỏa thuận và ký kết hợp đồng khoan đất lấp mặt bằng phần đất của bà T tại ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Ông N2 nhận khoán với giá là 115.000.000 đồng, thời gian giao khoán là 5 tháng, ông N2 bơm đất lấp khoản 70% thì ngưng cho đến nay không bơm lấp tiếp và ông N2 có ứng trước số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng khoan đất giữa bà T với ông N2 sẽ chấm dứt từ thời điểm này và theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông N2 chỉ khoan bơm lấp mặt bằng được 2/3 với giá trị tiền khoảng 76.000.000 đồng, nên đối trừ số tiền ông N2 ứng trước 80.000.000 đồng thì ông N2 còn nợ bà T 4.000.000 đồng. Đồng thời, trong thời gian ông N2 không bơm đất cho bà T thì ông N2 có dùng đường ống của bà T trị giá 10.000.000 đồng để bơm đất cho người cạp ranh là ông Lê Anh N1 và ông Lê Văn Hận.

Khi bà T bơm đất sang lấp mặt bằng thì ông N1 ngăn cản trong lúc thi công, ông N1 nói bà T lấn chiếm đất và buộc nhổ các cây cừ tràm với chiều ngang 2m, chiều dài 32m nên đã làm hư hỏng và thất thoát 200 cây cừ tràm trị giá là 7.800.000 đồng.

Từ những lý do nêu trên, nên bà Trần Thị Kim T yêu cầu ông Trịnh Văn N2 và ông Lê Anh N1 phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Yêu cầu ông Trịnh Văn N2 trả lại tiền khoan đất còn nợ là 4.000.000 đồng và tiền ống 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Yêu cầu ông Lê Anh N1 trả lại số tiền 200 cây cừ tràm trị giá là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút lại đối với yêu cầu ông Trịnh Văn N2 trả lại tiền khoan đất còn nợ là 4.000.000 đồng, trong hợp đồng khoan đất.

Bị đơn ông Lê Anh N1 trình bày:

Ông N2 đặt đường ống để bơm đất san lấp mặt bằng cho bà T chạy dài qua 04 phần đất là đất của ông Hiền, ông Vĩ, ông P, ông Cải rồi mới đến đất của bà T. Bà T nói một đầu ống đặt bên đất của bà T và một đầu ống đặt bên đất của ông P

(đầu ống cống) là không đúng, mà đầu ống đặt bên đất của ông Cải (đầu ống cống) là mới đúng, còn về số tiền ông N2 chịu 5.000.000 đồng và bà T chịu 5.000.000 đồng thì ông N1 không biết vì đó là chuyện giữa ông N2 với ông Cải (cha của ông N1, nhưng hiện ông Cải đã chết vào năm 2021). Do ông N1 không có nhận tiền nên không đồng ý với yêu cầu của bà T.

Đối với yêu cầu trả lại số tiền 200 cây cừ tràm trị giá là 7.800.000 đồng thì ông N1 không đồng ý, lý do: Số cây tràm bà T cắm qua phần đất của ông N1 nên ông N1 có ngăn cản nên bà T có kêu người nhỏ cắm về phần đất của bà T và bà T có bán cây tràm lại cho ông Trịnh Văn N2.

Bị đơn ông Trịnh Văn N2 trình bày:

Ông N2 thừa nhận là khi thi công san lấp mặt bằng cho bà T thì ông Cải có nói với ông N2 là đường ống đặt trên phần đất của ông Cải nên đòi đưa tiền thuê là 10.000.000 đồng thì mới cho bơm đất. Lúc này ông N2 có nói để ông N2 chịu 5.000.000 đồng và bà T chịu 5.000.000 đồng, ông N2 có nhận của bà T 5.000.000 đồng và sau đó đưa lại cho ông Cải 10.000.000 đồng rồi vẫn tiếp tục bơm đất cho bà T, sau này bà T có xảy ra mâu thuẫn với ông P nên không cho bơm đất, cho nên ông N2 mới ngưng bơm đất cho bà T. Do đây là khoản tiền thuê để đặt đường ống bơm đất cho bà T và đã trả cho ông Cải, cho nên bà T yêu cầu trả lại thì ông N2 không đồng ý.

Ông N2 thừa nhận giữa ông với bà T có ký hợp đồng khoan đất lấp mặt bằng phần đất của bà T tại ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau với giá là 115.000.000 đồng, thời gian giao khoán là 05 tháng, ông làm còn khoảng 10 ngày nữa là hoàn thành, khối lượng công việc bơm đất lấp khoản 90% thì ngưng do hộ kế ống bọng là ông P không cho dẫn đường ống để bơm đất nên không bơm được. Khi ông ngưng bơm đất thì hai bên không làm biên bản thể hiện khối lượng công việc ông đã bơm đất được bao nhiêu so với thỏa thuận. Tuy nhiên, do độ sâu mặt bằng khác nhau nên độ cao bơm đất bù qua lấp lại không tới 03 mét, khoảng 2,5 mét, khi ông ngưng bơm đất thì phần đất ông bơm khoảng 0,1 mét là bằng mặt lộ, nhưng nay đã khô lại thì còn khoảng 0,7 đến 0,8 mét mới bằng mặt lộ nên không đồng ý với yêu cầu của bà T là trả lại số tiền bơm đất còn nợ là 4.000.000 đồng. Đối với đường ống bọng ông thừa nhận có đưa đường ống qua đường ống bọng để bơm đất cho hộ cặp ranh nhưng đường ống bọng không nằm trong đất của bà T mà nằm cặp lộ Bờ Nam Sông Đốc thuộc nhà nước quản lý. Do đó, ông N2 không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc trả 10.000.000 đồng tiền thuê ống bọng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định:

1. Đình chỉ phần yêu cầu ông Trịnh Văn N2 trả lại tiền khoan đất còn nợ là 4.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà Trần Thị Kim T, buộc ông Trịnh Văn N2 phải trả lại cho bà T số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với tiền đặt đường ống 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với ông Lê Anh N1 trả lại số tiền 200 cây cừ tràm bị thiệt hại với trị giá là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/10/2023 nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa 01 phần bản án sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông N1 Văn Nguyễn trả cho bà số tiền đặt đường ống 10 triệu đồng và bồi thường trị giá 200 cây cừ tràm với số tiền 7.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn là bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Trần Thị Kim T kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét lại sửa một phần bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên xử là không đảm bảo quyền và lợi ích của bà vì trong thời gian ông Lê Anh N1 không bơm đất cho bà thì ông Trịnh Văn N2 có dùng đường ống của bà trị giá 10.000.000 đồng để bơm đất cho người khác mà không trả lại giá trị tiền này cho bà là không công bằng. Khi bơm đất sang lấp thì ông Lê Anh N1 nói bà lấn ranh và buộc nhổ các cây cừ tràm làm hư hỏng thiệt hại 200 cây tràm trị giá 7.800.000 đồng. Hành vi cản trở không đúng làm thiệt hại tài sản của bà thì ông Lê Anh N1 phải bồi thường.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

Bà Trần Thị Kim T cho rằng ông Trịnh Văn N2 có dùng đường ống đặt trên phần đất của bà T để bơm đất cho người cạp ranh là ông Lê Anh N1 và ông Lê Văn Hận cho nên bà T yêu cầu ông N2 phải trả số tiền thuê đường ống với trị giá 10.000.000 đồng. Thấy rằng thời điểm ông N2 dùng đường ống bơm đất cho hộ ông Lê Anh N1 và ông Lê Văn Hận thì giữa bà T và ông N2 không có thỏa thuận gì, tại thời điểm sử dụng đường ống phía bà T cũng không có ý kiến phản đối, hơn nữa đường ống đặt nằm cặp lộ Bờ Nam Sông Đốc thuộc hành lang lộ giới do nhà nước quản lý. Sau khi giữa bà T với ông N2 xảy ra tranh chấp hợp đồng khoan đất

và mâu thuẫn thì bà T mới yêu cầu ông N2 phải trả số tiền thuê đường đặt ống với trị giá 10.000.000 đồng, do đó án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà T là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Trần Thị Kim T.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim T yêu cầu buộc ông Lê Anh N1 trả lại số tiền 200 cây cừ tràm bị thiệt hại với trị giá là 7.800.000 đồng. Thấy rằng việc bà T có mua 200 cây cừ tràm để sử dụng cắm hàng rào bơm đất đắp đập giữa phần đất của bà T với phần đất của ông N1 là thực tế, hai bên có xảy ra tranh chấp ranh đất nên ông N1 có ngăn cản và bà T có kêu người nhổ cừ tràm cắm về phần đất của bà T để bơm đất.

Sự việc này Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh làm việc với ông N2 thì ông N2 xác định: Thời điểm ông N2 ký hợp đồng bơm đất san lấp mặt bằng với bà T thì có thỏa thuận số cây cừ tràm của bà T dùng để đắp đập bơm đất, khi nào hoàn thiện thì ông N2 có quyền nhổ lấy cừ tràm nhưng với điều kiện là không làm bể đập, nếu bị bể đập thì ông N2 phải chịu trách nhiệm đắp đập lại. Sau khi phần đập và phần đất nền của bà T đã bơm xong nên ông N2 có nhổ cừ tràm lên khoảng 80 cây và chở về nhà để sử dụng, theo thỏa thuận thì số cây cừ tràm là của ông N2 chứ không phải của bà T nên bà T yêu cầu ông N1 bồi thường thiệt hại 200 cây cừ tràm trị giá là 7.800.000 đồng là không đúng. Đồng thời, ông N2 là người cắm cừ tràm đắp đập bơm đất cho bà T và việc bơm đất cũng đã hoàn thành, số cây cừ tràm đã được sử dụng nên không có thiệt hại gì. Xét thấy, số cây cừ tràm của bà T đã được ông N2 là người cắm cừ tràm đắp đập bơm đất cho bà T và có thỏa thuận khi nào hoàn thiện thì ông N2 có quyền nhổ lấy cừ tràm để sử dụng công việc khác và sau khi việc bơm đất đã hoàn thành, số cây cừ tràm đã được sử dụng và một số do ông N2 nhổ đem đi sử dụng theo thỏa thuận nên không có thiệt hại gì xảy ra. Do đó, yêu cầu của bà T đối với ông Lê Anh N1 trả lại số tiền 200 cây cừ tràm bị thiệt hại với trị giá 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) án sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà T.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới ngoài các tài liệu chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích như nêu trên, bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim T cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước như ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T.

Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu ông Trịnh Văn N2 trả lại tiền khoan đất còn nợ là 4.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi của bà Trần Thị Kim T, buộc ông Trịnh Văn N2 phải trả lại cho bà Trần Thị Kim T số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với tiền đặt đường ống 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với ông Lê Anh N1 trả lại số tiền 200 cây cừ trầm bị thiệt hại với trị giá là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Trịnh Văn N2 chậm thanh toán tiền thì hàng tháng ông Trịnh Văn N2 còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% bà Trần Thị Kim T phải chịu nộp là 890.000 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn đồng) và ông Trịnh Văn N2 phải chịu nộp là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà T có dự nộp tiền tạm ứng án phí 350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008202 ngày 13/6/2022; 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008226 ngày 17/6/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009190 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tổng số tiền bà T dự nộp tạm ứng án phí là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ số tiền phải nộp án phí là 890.000 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn đồng) nên bà T được nhận số tiền 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 13 tháng 10 năm 2023, bà Trần Thị Kim T đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0009604 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được đối trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng

